

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2018/HNGĐ - ST**

Ngày 14-6-2018

V/v Ly hôn giữa chị L và anh N.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đức Cường

2. Ông Lê Tuấn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Anh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 về ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị L, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Thọ T, xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu 1 năm thì tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 20 tháng 12 năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng nhưng không liên quan gì đến kinh tế với bố mẹ chồng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 9/2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn

là do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách. Sau khi chị sinh con nên ở nhà để chăm con còn anh N lái xe đường dài Bắc - Nam. Anh N đã quan hệ với người phụ nữ khác. Trong khoảng thời gian từ năm 2013 trở đi anh N không gọi điện về cho chị, không quan tâm gì đến vợ con mà còn chơi bời bài bạc, lô đề, nghiện ngập. Mỗi năm chỉ về nhà một lần vào dịp tết nhưng mỗi lần về đều không có tình cảm. Đến tháng 01/2016 anh N quay về nhưng vẫn không thay đổi. Vì vậy, chị L xét thấy không thể chung sống với anh N được nữa. Chị và anh N quan hệ sinh lý lần cuối vào khoảng tháng 7 năm 2017. Sau đó, vợ chồng không còn tình cảm nên không quan hệ sinh lý trở lại. Đến tháng 12/2017 chị L đưa con về nhà ngoại ở cho đến nay. Hiện nay chị L không có thai nghén. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh N.

Về con: Chị và anh Nguyễn Văn N có 01 con chung là Nguyễn Xuân M, sinh ngày 24/02/2013 đang ở với chị L. Hiện nay chị L làm công nhân may, thu nhập từ 4.000.000đ đến 5.000.000đ/tháng. Chị cam đoan có đủ điều kiện nuôi con nên chị có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai đề ngày 25 tháng 5 năm 2018, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày: Quá trình kết hôn và đăng ký kết hôn anh thống nhất với ý kiến trình bày của chị L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với bố mẹ anh nhưng không liên quan gì đến kinh tế với bố mẹ anh. Vợ chồng chung sống đến tháng 9 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của anh là lái xe đường dài, thường xuyên phải sống xa nhà. Mỗi năm anh chỉ về nhà một lần vào dịp tết nên ít có thời gian chăm sóc gia đình, vợ con. Tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Tính cách vợ chồng cũng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn ngày càng nặng nề, đã được hòa giải nhưng không khắc phục được. Anh và chị L quan hệ sinh lý lần cuối vào tháng 7 năm 2017. Sau đó, vợ chồng không quan hệ sinh lý trở lại mà sống ly thân. Hiện nay chị L không có thai nghén. Nay chị L xin ly hôn anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con: Vợ chồng có 1 con chung như chị L trình bày. Chị L xin được nuôi con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con thì anh N cũng hoàn toàn đồng ý.

Về tài sản, nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Điều 49 và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 234 của

Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh N. Về con chung: Giao cho chị L nuôi cháu Nguyễn Xuân M, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản: Chị L, anh N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Chị L chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn N có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh N theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung:

2.1 Hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Nguyễn Văn N dựa trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Đánh giá về thực trạng quan hệ vợ chồng: nguyên nhân mâu thuẫn là do lối sống, quan điểm, tính tình vợ chồng không hòa hợp, không đồng cảm dẫn đến không hiểu và thông cảm cho nhau. Mặt khác, chị L trình bày do nghề nghiệp của anh lái xe đường dài, ít về thăm gia đình, không quan tâm đến vợ con mà còn sa vào tệ nạn xã hội. Từ đó, dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Chị L đã đưa con về nhà ngoại ở từ tháng 12/2017 cho đến nay. Tại phiên tòa chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên quan điểm ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh N là phù hợp thực trạng mâu thuẫn vợ chồng.

2.2 Về con: Xác nhận chị L và anh N có 01 con chung. Hiện nay chị L không có thai nghén, con đang ở với chị L. Chị L và anh N đều chung quan điểm để chị L trực tiếp nuôi con. Xét thấy nên giao con cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chị L không yêu cầu nên không buộc anh N cấp dưỡng.

2.3 Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh N không yêu cầu nên không xét.

3. Về án phí: Chị L khởi kiện vụ án xin ly hôn, không thuộc diện được miễn án phí nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271,

Điều 273 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Lê Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là Nguyễn Xuân M, sinh ngày 24/02/2013. Giao chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu M. Chị L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng anh N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống theo biên lai thu số AA/2015/0006627 ngày 19/4/2018, chấp nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị L, vắng mặt anh N. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu: HS, VP, Ha (11).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Huệ